

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 2606/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 10 năm 2012

SỞ XÂY DỰNG BẠC LIÊU

ĐẾN	Số: 2836
	Ngày: 31/10/12

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Hộ Phòng - Giá Rai đến năm 2030, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu - tỷ lệ 1/5.000

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Xét các Tờ trình số 236/TTr-SXD ngày 17/10/2012 của Sở Xây dựng, kèm theo Kết quả thẩm định số 202/TĐ-QHXD ngày 17/10/2011 và các hồ sơ liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hộ Phòng - Giá Rai đến năm 2030, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu - tỷ lệ 1/5.000 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch:

a. Phạm vi, ranh giới

- Phía Bắc giáp xã Phong Thạnh A, Phong Tân;
- Phía Nam giáp huyện Đông Hải;
- Phía Tây giáp xã Tân Phong;
- Phía Đông giáp xã Phong Thạnh Đông A.

b. Diện tích lập Quy hoạch:

- Giai đoạn 1: Quy mô diện tích đô thị: 1.170 ha.
- Giai đoạn 2: Quy mô diện tích đô thị: 2.885,73 ha
- Đất đô thị trung tâm dự kiến mở rộng (đất vành đai xanh): 1.706,72 ha.

2. Tính chất, chức năng:

- Là trung tâm hành chính, chính trị, khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội của khu vực; trung tâm thương mại, dịch vụ, giáo dục, đào tạo thứ hai của tỉnh.

- Là nơi giao lưu văn hóa, thương mại, kinh tế, xã hội của vùng liên huyện, là đầu mối trung chuyển các sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản.

- Là đầu mối giao thông quan trọng, là trung tâm giao lưu, trung chuyển hàng hóa của hai khu vực Giá Rai - Gành Hào.

3. Quy mô dân số, đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển:

- Giai đoạn 1 (năm 2012): Quy mô dân số đô thị là 44.100 người và quy mô diện tích: 1.170 ha.

- Giai đoạn 2 (năm 2030): Quy mô dân số đô thị là 120.890 người và quy mô diện tích: 2.885,73 ha.

4. Các công trình hạ tầng chủ yếu

a. San nền: San lấp mặt bằng bằng đất hoặc cát đen đến cao độ xây dựng $H_{xd} = 1,80 \text{ m}$ (Hệ cao độ Hòn Dấu) ($H_{xd} = H_{max} + H_s = 1,4\text{m} + 0,4\text{m}$).

b. Hệ thống giao thông:

b.1. Giao thông đường thủy: Kết nối tốt tuyến kênh dọc kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu từ thành phố Bạc Liêu đến thị xã Hộ Phòng, từ thị xã Hộ Phòng đến thành phố Cà Mau; Cải tạo các tuyến kênh ngang phục vụ giao thông thủy từ thị xã đến các xã lân cận.

b.2. Giao thông đường bộ

- Các tuyến trục chính bao gồm: Tuyến Quốc Lộ 1A, tuyến tránh trung tâm đô thị, tuyến tránh Quốc Lộ 1A có lộ giới từ 26m đến 45m

- Đường khu vực: Các tuyến đường chính trong mỗi khu chức năng của đô thị, có lộ giới từ 19,5m đến 24m.

c. Hệ thống thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn bằng cống tròn BTCT với đường kính từ D800 - D1500. Toàn bộ nước mưa sau khi thu gom xả ra các kênh rạch trong khu vực; đồng thời, có giải pháp phòng chống và giảm bớt các nguy cơ sạt lở bờ sông thông qua kế hoạch và phương pháp khai thác, nạo vét lòng sông kết hợp điều tiết dòng chảy đảm bảo không ảnh hưởng tới lòng sông. Có biện pháp gia cố bờ sông tại những vị trí xung yếu có nguy cơ sạt lở cao như kè bờ sông, trồng cây bảo vệ bờ.

d. Hệ thống cấp nước: Đến giai đoạn 2030 đảm bảo lượng nước cấp 100l/người/ngày đêm, 100% dân số được cấp nước sạch. Xây dựng mới 2 trạm cấp nước công suất 13.000m³/ngày đêm/trạm. Mạng lưới cấp nước từ các trạm cấp nước, trụ cứu hỏa D100 đồng bộ.

đ. Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường:

đ.1. Hệ thống thoát nước bản trong giai đoạn 2012: Tạm thời nước thải sau khu xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (gồm 2-3 ngăn) thải vào hệ thống thoát nước mưa, đến giai đoạn sau 2012 sẽ xây dựng hệ thống thoát nước bản riêng.

đ.2. Vệ sinh môi trường: Bố trí đội vệ sinh thu gom rác, trang bị 3 xe loại 10 tấn và 5 xe loại 2 tấn hàng ngày đi thu gom và vận chuyển 60 - 80% lượng rác tới khu xử lý rác tập trung. Trên các trục phố chính và khu công cộng, bố trí

các thùng rác khối tích 0,2m³/thùng. Bố trí 01 khu xử lý rác ở phía Bắc khu đô thị (nằm ngoài ranh đô thị trung tâm, hướng đi Chủ Chí). Xây dựng 01 nghĩa địa dùng chung cho cả bờ Bắc và Nam đô thị trung tâm Hộ Phòng, với quy mô khoảng 4,33ha.

e. Hệ thống cấp điện: Bao gồm lưới điện trung thế 22 KV, tuyến đường dây hạ thế, trạm 22/0,4KV, đường dây hạ thế chiếu sáng...

g. Thông tin liên lạc: Cung cấp các dịch vụ Viễn thông có băng thông rộng, công nghệ thông tin và dịch vụ truyền hình, truyền thông đến từng khu vực trong toà nhà và vùng phụ cận

5. Định hướng tổ chức không gian

Quy hoạch chung đô thị trung tâm Hộ Phòng - Giá Rai đến năm 2030 được phát triển theo 02 giai đoạn:

- Trong giai đoạn 1: Phát triển Trung tâm đô thị đến năm 2012 với diện tích 1.170 ha. Đô thị được phát triển chủ yếu trong phạm vi khu vực có dân cư hiện trạng ở 2 trung tâm cũ của thị trấn Hộ Phòng và thị trấn Giá Rai hiện nay, khu vực dân cư phía bên kia sông có Tỉnh lộ 9 đi qua. Giai đoạn 1 chủ yếu phát triển trên quỹ đất dọc theo Quốc lộ 1A để gắn kết 2 thị trấn lại.

- Trong giai đoạn 2: Phát triển đô thị đến năm 2030 với diện tích 2.885,73 ha. Trong đó hướng phát triển tập trung về phía Nam, một phần phía Bắc, phát triển thêm diện tích các khu chức năng, sau đó phát triển cho toàn đô thị. Giai đoạn này tiếp tục nâng cấp chất lượng đô thị, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật để phát triển đô thị bền vững.

- Trong giai đoạn này cũng sẽ lập vùng đất bao quanh trung tâm đô thị như một vành đai xanh, có chức năng như đất nông nghiệp hiện hữu bảo tồn và nâng cấp, vùng xanh này tạo thành một lá phổi cho đô thị, đồng thời cũng là một vùng cảnh quan sinh thái. Đặc biệt khai thác cảnh quan sông rạch và dãy đất ven sông tạo không gian xanh và cảnh quan đô thị sông nước đặc thù; đồng thời, vùng đất này cũng được xem là quỹ đất phát triển đô thị khi thực sự cần thiết.

6. Cơ cấu sử dụng đất

6.1. Bảng quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 1:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất công cộng	97,37	8,32
1	Đất công trình công cộng	27,23	
2	Đất giáo dục	47,71	
3	Đất quân sự	3,14	
4	Đất nghĩa trang	4,23	
5	Đất văn hóa	15,06	
II	Đất thương mại - dịch vụ	38,95	3,33
III	Đất ở	432,11	36,93
1	Đất ở hiện trạng chính trang	31,11	
2	Đất ở mật độ cao kết hợp thương mại	13,12	
3	Đất ở mật độ cao	186,62	
4	Đất ở mật độ thấp	201,26	

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
IV	Đất tôn giáo	7,33	0,63
V	Đất dự trữ phát triển	37,76	3,23
VI	Đất sông ngòi mặt nước	130,94	11,19
VII	Đất cây xanh	226,08	19,32
	Đất công viên cây xanh – TDTT	87,79	
	Đất cây xanh bảo lưu bờ sông	125,95	
VIII	Đất giao thông	189,76	16,22
IX	Đất công nghiệp	9,7	0,83
	Tổng cộng	1.170,00	100

6.2. Bảng quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất công cộng	47,99	2,80
1	Đất công trình công cộng	12,13	
2	Đất giáo dục	5,44	
3	Đất văn hóa	4,97	
4	Đất bên xe	25,45	
II	Đất thương mại - dịch vụ	8,28	0,48
III	Đất ở	994,98	57,99
1	Đất ở mật độ cao kết hợp thương mại	33,24	
2	Đất ở mật độ cao (chung cư cao tầng)	21,14	
3	Đất ở mật độ cao	47,48	
4	Đất ở mật độ thấp	79,54	
5	Đất ở biệt thự	107,94	
6	Đất ở dạng nhà vườn	705,64	
V	Đất dự trữ phát triển	56,74	3,31
VI	Đất sông ngòi mặt nước	81,45	4,75
VII	Đất cây xanh	227,94	13,29
	Đất công viên cây xanh – TDTT	89,57	
	Đất cây xanh bảo lưu bờ sông	138,37	
VIII	Đất giao thông	267,01	15,56
IX	Đất công nghiệp	31,34	1,83
	Đất công nghiệp hiện trạng giữ lại phục vụ cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, - tiêu thụ công nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh	1,77	
	Đất tiêu thụ công nghiệp quy hoạch	29,57	
	Tổng cộng	1.715,73	100

6.3. Bảng quy hoạch sử dụng đất toàn đô thị:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất công cộng	145,36	5,04
1	Đất công trình công cộng	39,36	
2	Đất giáo dục	53,15	
3	Đất quân sự	3,14	
4	Đất nghĩa trang	4,23	
5	Đất văn hóa	20,03	

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Đất bên xe	25,45	
II	Đất thương mại - dịch vụ	47,23	1,64
III	Đất ở	1.419,73	49,0
1	Đất ở hiện trạng chỉnh trang	31,11	
	Đất ở mật độ cao kết hợp thương mại	33,24	
	Đất ở mật độ cao (<i>chung cư cao tầng</i>)	21,140	
2	Đất ở mật độ cao	234,10	
3	Đất ở mật độ thấp	280,80	
4	Đất biệt thự	107,94	
5	Đất nhà vườn	705,64	
IV	Đất tôn giáo	7,33	0,25
V	Đất dự trữ phát triển	94,50	3,27
VI	Đất sông ngòi mặt nước	200,26	6,94
VII	Đất cây xanh	474,15	16,43
	Đất công viên cây xanh - TDTT	209,83	
	Đất cây xanh bảo lưu bờ sông	264,32	
VIII	Đất giao thông	461,89	16,01
IX	Đất công nghiệp	41,04	1,42
	Đất công nghiệp hiện trạng giữ lại phục vụ cho các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh	1,77	
	Đất tiêu thụ công nghiệp quy hoạch	39,27	
	Tổng cộng	2.885,73	100

6.4. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất dự kiến mở rộng

Stt	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Đất đô thị	2.885,73	62,84	
1	Đất đô thị giai đoạn 1	1.170,00	25,48	
2	Đất đô thị giai đoạn 2	1.715,73	37,36	
II	Đất đô thị trung tâm dự kiến mở rộng	1.706,72	37,16	<i>Đất vành đai xanh</i>
	Tổng cộng	4.592,45	100	

7. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính

7.1. Các khu chức năng chính

a. Giai đoạn 1: Quy mô diện tích đô thị 1.170 ha

- Trung tâm hành chính đô thị được xác định tại vị trí trung tâm hành chính cũ của huyện Giá Rai, có điều chỉnh mở rộng theo hướng tập trung và phát triển một đoạn dọc theo tuyến Quốc lộ 1A, là hạt nhân để phát triển đô thị về các hướng theo tiềm năng và điều kiện cảnh quan của từng khu vực.

- Trung tâm dịch vụ, thương mại của đô thị dự kiến phát triển từ khu vực thị trấn Hộ Phòng hiện tại.

- Trung tâm cây xanh được bố trí giáp với khu di tích Nọc Nạng để kết hợp thành khu văn hóa du lịch.

- Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao bố trí gần trung tâm cây xanh.

- Trung tâm Y tế được bố trí theo dự án: Giai đoạn 2010 - 2015 đầu tư Bệnh viện đa khoa huyện Giá Rai, giai đoạn 2016 - 2020, tùy theo tình hình thực tế sẽ nâng cấp Bệnh viện đa khoa Giá Rai, Phước Long thành Bệnh viện khu vực đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế và tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường.

- Trung tâm giáo dục đào tạo, dạy nghề và hướng nghiệp được bố trí ở phía Bắc của khu trung tâm hành chính.

- Trung tâm hành chính khu vực.

- Trung tâm hành chính phường.

- Trung tâm cây xanh, thể dục thể thao của phường.

b. Giai đoạn 2: Quy mô diện tích đô thị 2.885,73 ha

- Phát triển mạnh các quỹ đất còn lại ở phía bờ Nam và một số khu vực ở bờ Bắc kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau. Khu vực bờ Nam sẽ bao gồm các chức năng mới như: Khu trung tâm đô thị mới (*bao gồm khu ở cao cấp cho các chuyên gia, khu trung tâm hành chính, văn phòng hiện đại, khu ở mới...*); Trung tâm giáo dục đào tạo (*bao gồm Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học nghề cấp tỉnh*). Ngoài ra, kết hợp với khu vành đai xanh bao quanh trung tâm đô thị và đặc thù cảnh quan sông nước để khai thác du lịch sinh thái, du lịch miệt vườn.

- Xây dựng và khai thác quỹ đất khu vực phía bờ Nam kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau theo hướng tận dụng và phối hợp triệt để với trung tâm đô thị Gành Hào trong tương lai.

- Khu tiểu thủ công nghiệp dự kiến bố trí về phía Tây Nam trung tâm đô thị, khu công nghiệp nằm ngoài đất đô thị ở phía Tây Nam.

c. Khu vực vành đai xanh bao quanh đô thị: Diện tích khoảng 1.706,72 ha là khu vực được xác định như phần đất nông nghiệp hiện hữu bảo tồn và nâng cấp. Ngoài chức năng là vùng xanh tạo thành lá phổi cho đô thị, đây còn là một vùng du lịch sinh thái, du lịch miệt vườn với các loại hình phát triển sinh thái nông - lâm nghiệp và là quỹ đất phát triển đô thị khi thực sự cần thiết.

7.2. Bố cục các trục không gian chính, không gian các khu vực trọng tâm, các tuyến, các điểm nhấn và các điểm nhìn:

a. Bố cục không gian các tuyến chính của khu quy hoạch

Các tuyến chính của khu quy hoạch gồm một số tuyến như: Tuyến Quốc Lộ 1A, tuyến cảnh quan nội trung tâm hành chính và trung tâm thương mại (*song song với tuyến Quốc lộ 1A về phía Bắc*), tuyến cầu vượt Giá Rai đi huyện Đông Hải, trục cảnh quan bờ Nam và tuyến Tỉnh Lộ 9. Trên các tuyến chính của khu quy hoạch bố trí thiết kế sinh động, tạo điểm nhấn từ các công trình công cộng, dịch vụ, các khu nhà ở hiện đại, khai thác triệt để hệ thống cây xanh và hệ thống sông rạch đặc thù.

b. Bố cục không gian các khu vực trọng tâm của khu quy hoạch

Khu trung tâm đô thị được chia làm 3 khu vực chính:

- Khu trung tâm hành chính: Xác định tại khu trung tâm hành chính hiện tại (thị trấn Giá Rai). Khai thác cảnh quan bờ sông trước khu trung tâm hành chính.

- Khu trung tâm thương mại dịch vụ: Xác định tại trung tâm thương mại dịch vụ ở thị trấn Hộ Phòng hiện hữu.

- Khu trung tâm đô thị mới: Xác định tại trung tâm khu bờ Nam kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau.

c. Các điểm nhấn và điểm nhìn quan trọng của khu quy hoạch: Điểm nhấn chính của là khu vực quảng trường trung tâm hành chính, các trục cảnh quan nối khu hành chính và khu thương mại dịch vụ, trục trung tâm phía Nam và các tuyến kênh rạch trong khu trung tâm. Hệ thống công viên cây xanh, vành đai xanh quanh đô thị tạo nên sắc xanh là tông màu chủ đạo của đô thị, là điểm nhấn về không gian tổng thể.

8. Nguồn cung cấp

- Nguồn nước: Do hệ thống sông rạch quanh năm bị nhiễm mặn, không thể khai thác và sử dụng được nguồn nước mặt để cấp nước sinh hoạt phải sử dụng nguồn nước ngầm.

- Cấp điện: Dùng nguồn điện quốc gia qua trạm 110/22KV Giá Rai, từ trạm này có các phát tuyến 22KV đi dọc QL1A cấp điện cho vực thị trấn Hộ Phòng....

9. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

- Tuân thủ các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của từng lô phố về: Diện tích, dân số, quy mô công trình, quy định về hệ số sử dụng đất, tầng cao tối đa, tối thiểu, mật độ xây dựng,...; các quy định về lộ giới như: Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi, độ vượn của ban công, mái đua ô văng, cao độ không chế chiều cao tầng 1,...;

- Đảm bảo các yêu cầu về kiến trúc, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, quản lý xây dựng từng loại công trình kiến trúc hoặc ô phố;

- Đối với công viên cây xanh: Quy định tỷ lệ tối đa, tối thiểu các loại đất: cây xanh, thảm cỏ, mặt nước, xây dựng công trình, sân lát, đường đi dạo,... Tổ chức vành đai xanh quanh đô thị còn để bảo tồn và tạo thế ổn định cho các vùng nông nghiệp, di tích tôn giáo và hệ thống làng xóm, làng nghề, hệ thống sông rạch, mặt nước,..., giúp đô thị phát triển cân bằng và bền vững.

Chi tiết theo Quy định về Quản lý Quy hoạch theo Đồ án Quy hoạch chung ban hành kèm theo Quyết định này.

10. Các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường

Quy hoạch phát triển đô thị tất yếu sẽ ảnh hưởng đến môi trường thông qua ảnh hưởng nguồn nước sạch, không khí, tài nguyên đất, do đó phải tập trung giải quyết những vấn đề như: Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; ô nhiễm môi trường đô thị, thu gom và xử lý rất thải; suy giảm đa dạng sinh học và bảo vệ các hệ sinh thái nhạy cảm; ô nhiễm nguồn nước; ô nhiễm môi trường...

11. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

11.1. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

a. Giai đoạn 1:

- Chương trình cải tạo, nâng cấp và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật như: Giao thông, thoát nước mưa; thoát nước thải; cấp điện, thông tin liên lạc.
- Chương trình nâng cấp, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu;
- Xây dựng khu trung tâm mới và các khu dân cư mới;
- Chương trình bảo vệ môi trường đô thị;
- Chương trình quản lý đô thị.

b. Giai đoạn 2: Ưu tiên đầu tư các tuyến đường giao thông chính còn lại, sau đó đầu tư đồng bộ các tuyến đường trong nội ô trung tâm đô thị; ưu tiên phát triển đô thị đồng bộ về phía Nam, sau đó phát triển cho toàn đô thị.

11.2. Nguồn lực thực hiện

a. Huy động mọi nguồn vốn có từ tỉnh, huyện và nhân dân; tranh thủ nguồn hỗ trợ của trung ương; thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài tỉnh, nước ngoài... thông qua việc khuyến khích đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

b. Cơ cấu vốn đầu tư dự kiến:

- Ngân sách nhà nước: Đầu tư 100% các tuyến đường trọng điểm; 20% các công trình cơ sở hạ tầng và phúc lợi công cộng.
- Huy động của dân: Đầu tư 30% công trình nhà ở, hạ tầng kỹ thuật khu ở.
- Vốn các công trình, dự án khác: Đầu tư 50% cơ sở dịch vụ, khu nhà ở...

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan (*Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Điện lực Bạc Liêu, ...*) tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành; đồng thời, cùng với Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác của đồ án Quy hoạch được duyệt kỳ này so với đồ án Quy hoạch đã thông qua và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến chỉ đạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- Như Điều 3;
- CT; các PCT;
- TT Huyện ủy Giá Rai;
- Các Sở: TN&MT, TC, KH&ĐT, GTVT;
- CVP; PCVP TH;
- Lưu VT, I (T19). (16b).



Bạc Liêu, ngày 30 tháng 10 năm 2012

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN
QUY HOẠCH CHUNG
ĐÔ THỊ HỘ PHÒNG - GIÁ RAI ĐẾN NĂM 2030
HUYỆN GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU; TỶ LỆ 1/5000**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2012
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng, phân công quản lý:

Quy định này hướng dẫn việc quản lý sử dụng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm cảnh quan kiến trúc và bảo vệ môi trường trong xây dựng và khai thác sử dụng các công trình theo đúng với đồ án Quy hoạch chung đô thị Hộ Phòng - Giá Rai đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000 đã được phê duyệt. Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng được duyệt.

2. Quy định về quy mô diện tích và dân số của đô thị:

a. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp xã Phong Thạnh A, Phong Tân;
- Phía Nam giáp huyện Đông Hải;
- Phía Tây giáp xã Tân Phong;
- Phía Đông giáp xã Phong Thạnh Đông A.

b. Quy mô diện tích và quy mô dân số:

- Giai đoạn 1 (năm 2015):

Quy mô dân số đô thị: 51.420 người; quy mô diện tích: 1.170 ha.

- Giai đoạn 2 (năm 2030):

Quy mô dân số đô thị: 118.310 người; quy mô diện tích: 2.348 ha.

c. Tính chất:

- Là trung tâm hành chính, chính trị, khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội của khu vực; Trung tâm thương mại, dịch vụ, giáo dục, đào tạo thứ hai của tỉnh Bạc Liêu.

- Là nơi giao lưu văn hóa, thương mại, kinh tế, xã hội của vùng liên huyện, là đầu mối trung chuyển các sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản.

- Là đầu mối giao thông quan trọng, là trung tâm giao lưu, trung chuyển hàng hóa của hai khu vực Giá Rai - Gành Hào.

3. Quy định về quản lý phát triển không gian đô thị:

3.1. Tổng thể chung toàn đô thị

Quy hoạch chung đô thị Hộ Phòng - Giá Rai đến năm 2030 được nghiên cứu theo 2 giai đoạn:

- Trong giai đoạn 1:

Phát triển Trung tâm đô thị đến năm 2015 với diện tích 1.170 ha. Đô thị được phát triển chủ yếu trong phạm vi khu vực có dân cư hiện trạng ở 2 trung tâm cũ của thị trấn Hộ Phòng và thị trấn Giá Rai hiện nay, khu vực dân cư phía bên kia sông có tỉnh lộ 9 đi qua. Giai đoạn 1 chủ yếu phát triển trên quỹ đất dọc theo Quốc lộ 1A để gắn kết 2 thị trấn lại và từng bước xây dựng trung tâm thương mại, văn hóa, giáo dục phía bờ Nam trong khu đô thị mới.

Trong giai đoạn này đô thị sẽ được phát triển dựa trên hệ thống hạ tầng xã hội hiện trạng như trung tâm hành chính huyện, trung tâm thương mại – dịch vụ ở thị trấn Hộ Phòng và thị trấn Giá Rai, một số công trình về giáo dục, y tế, văn hóa,... Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tập trung phát triển hệ thống giao thông hiện trạng như tuyến Quốc lộ 1A, tuyến ĐT-980, tuyến ĐT-981, tuyến tránh thị trấn Hộ phòng, tuyến ĐH-43, tuyến ĐH-50, tuyến ĐH-52,... và tuyến đường mới đang được đầu tư như tuyến cầu vượt giá rai (đang thi công). Ngoài ra còn có các tuyến giao thông theo định hướng đến năm 2020 tầm nhìn 2025 của huyện như tuyến Hộ Phòng – Gành Hào,...

- Trong giai đoạn 2:

Phát triển đô thị đến năm 2030 với diện tích 2.348 ha. Trong đó hướng phát triển tập trung về phía Nam, một phần phía Bắc, phát triển thêm diện tích các khu chức năng, sau đó phát triển cho toàn đô thị. Giai đoạn này tiếp tục nâng cấp chất lượng đô thị, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật để phát triển đô thị bền vững.

Ngoài ra trong giai đoạn này, sẽ xác định vùng đất bao quanh trung tâm đô thị như một vành đai xanh, được xác định như đất nông nghiệp hiện hữu bảo tồn và nâng cấp, vùng xanh này tạo thành một lá phổi cho đô thị, đồng thời cũng là một vùng cảnh quan sinh thái. Đặc biệt khai thác cảnh quan sông rạch và dãy đất ven sông tạo không gian xanh và cảnh quan đô thị sông nước đặc thù. Đồng thời vùng đất này cũng được xem là quỹ đất phát triển đô thị khi thực sự cần thiết. Khu vực vành đai xanh có diện tích khoảng 2.244,45 ha.

3.2. Các trục không gian chính:

Các tuyến chính của khu quy hoạch gồm một số tuyến như: tuyến Quốc Lộ 1A, Tuyến cảnh quan nội trung tâm hành chính và trung tâm thương mại (song song với tuyến Quốc lộ 1A về phía Bắc), tuyến cầu vượt Giá Rai đi huyện Đông Hải, trục cảnh quan bờ Nam và tuyến Tỉnh Lộ 9. Trên các tuyến chính của khu quy hoạch bố trí thiết kế sinh động, tạo điểm nhấn từ các công trình công cộng, dịch vụ, các khu nhà ở hiện đại. Đặc biệt khai thác triệt để hệ thống cây xanh và hệ thống sông rạch đặc thù.

3.3. Các khu vực hạn chế phát triển; khu vực không được phép xây dựng:

Ưu tiên phát triển đô thị theo hướng Bắc Nam, hạn chế phát triển theo hướng Đông Bắc - Tây Nam để xây dựng tập trung các khu chức năng và phù hợp với quy mô phục vụ trong đô thị.

Đô thị chỉ phát triển đến khu vành đai xanh, khu trung tâm hành chính hiện hữu phát triển có định hướng, hạn chế phát triển tràn lan.

Các dãy đất ven sông phải được bảo tồn, nâng cấp, hạn chế tối đa xây dựng.

3.4. Vị trí và mô hình phát triển ngoại thị, xã, điểm dân cư nông thôn:

Khu ngoại thị được xác định như phần đất nông nghiệp hiện hữu bảo tồn và nâng cấp. Ngoài chức năng là vùng xanh tạo thành lá phổi cho đô thị, đây còn là một vùng du lịch sinh thái, du lịch miệt vườn với các loại hình phát triển sinh thái nông –

lâm nghiệp. Khu vực này phải được nghiên cứu, quản lý loại hình ở và canh tác phù hợp, đặc biệt bảo vệ môi trường và cảnh quan sinh thái đặc thù.

4. Quy định về quy mô phát triển vùng ngoại thành, ngoại thị (công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, sinh thái.v.v...)

- Khu công nghiệp được quy hoạch nằm ngoài trung tâm đô thị về phía Tây Nam. Đảm bảo khoảng cách cách ly hợp lý.

- Tận dụng ưu thế về địa hình có nhiều kênh rạch làm nét đặc trưng cho đô thị, phát triển các loại hình ở mang đậm bản sắc đô thị vùng sông nước, tạo cho đô thị nét đặc trưng nhằm phát triển mô hình du lịch sinh thái.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Quy định về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

1.1. Khu vực hiện có hạn chế phát triển:

Các khu vực ven kênh rạch hiện trạng được chỉnh trang, cấm xây dựng công trình. Các khu ở chỉnh trang theo quy hoạch, không phát triển manh mún. Các khu vực ngoài giới hạn đất đô thị.

1.2. Khu vực chỉnh trang, cải tạo; khu cần bảo tồn, tôn tạo:

- Khu trung tâm hành chính hiện hữu của huyện Giá Rai.

- Các khu dân cư hiện trạng nằm ở khu vực thị trấn Hộ Phòng và Giá Rai.

1.3. Khu vực chuyển đổi chức năng; khu phát triển mới; khu cấm xây dựng, khu dự trữ phát triển:

- Sử dụng quỹ đất ở bờ Nam kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau làm khu phát triển mới.

- Khu dự trữ phát triển nằm ở bờ bắc kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau, về phía Tây kênh xáng Giá Rai - Phó Sinh.

1.4. Khu vực dọc trục và hành lang phát triển đô thị:

Đô thị phát triển chủ yếu trên các trục giao thông thủy, bộ như:

- Phát triển theo các tuyến giao thông thủy như kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau, kênh Giá Rai - Phó Sinh, kênh Hộ Phòng - Chủ Chí.

- Các trục giao thông bộ như tuyến quốc lộ 1A, 2 trục cảnh quan song song Quốc lộ 1A về phía Bắc và phía Nam kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau. Đồng thời kết hợp phát triển hệ thống giao thông trục đứng với tuyến giao thông Gành Hào - Giá Rai - Phó Sinh, tuyến Hộ Phòng - Chủ Chí.

1.5. Khu vực trung tâm hành chính:

- Trung tâm hành chính đô thị được xác định tại vị trí trung tâm hành chính hiện hữu của huyện Giá Rai.

- Mật độ xây dựng: 30-40%.

- Tầng cao trung bình: 3 tầng.

1.6. Khu đô thị mới và khu đô thị cũ cần cải tạo:

- Khu đô thị mới: Sử dụng quỹ đất phía bờ Nam Khu đô thị mới làm khu trung tâm đô thị mới bao gồm các chức năng: khu ở cao cấp cho các chuyên gia, khu trung

tâm hành chính, văn phòng hiện đại, khu ở mới, Trung tâm giáo dục đào tạo bao gồm trường đại học, cao đẳng, trung học nghề cấp tỉnh,...

- Khu đô thị cũ cần cải tạo gồm các khu ở hiện trạng nằm ở khu vực Hộ Phòng và Giá Rai, từng bước chỉnh trang nâng cấp cơ sở hạ tầng cơ bản để nâng cao môi trường sống mà không làm mất đi nét đặc trưng vốn có của đô thị miền sông nước.

1.7. Khu công viên, cây xanh:

- Mật độ xây dựng không quá 5%, chiều cao không chế là 1 - 2 tầng.

- Tạo các yếu tố cảnh quan trong công viên như thảm cỏ, cây cảnh, cây bóng mát, mặt nước, lối đi dạo, chỗ nghỉ chân.

- Kết hợp xây dựng một số công trình dịch vụ như kios sách báo, quán giải khát nghỉ chân nhưng với quy mô nhỏ, không làm ảnh hưởng không gian thoáng của công viên.

- Đảm bảo yêu cầu chuyên ngành và vệ sinh môi trường.

- Sông, hồ và kênh trong phạm vi Đô thị phải được kè bờ và lưu thông với hệ thống thoát nước chung của Đô thị.

1.8. Khu di tích lịch sử văn hóa:

- Khu di tích lịch sử cấp quốc gia Nọc Nạng.

- Khu Đình thần Phong Thạnh là khu di tích văn hóa cấp quốc gia.

1.9. Khu đặc thù (khu vực tiểu thủ công nghiệp):

- Mật độ xây dựng : 60%.

- Tầng cao trung bình: 1-3tầng.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị, xung quanh có cây xanh cách ly, trong khu có các công trình đầu mối kỹ thuật hạ tầng.

- Đối với khu kho, bến bãi cần chú ý về mỹ quan và phòng chống cháy nổ.

2. Quy định về hệ thống hạ tầng xã hội:

2.1. Nhà ở:

Gồm các loại nhà: hiện trạng chỉnh trang, mật độ cao, mật độ thấp, nhà ở chung cư cao tầng quy định như sau:

- Nhà hiện trạng chỉnh trang:

+ Mật độ xây dựng: 100%

+ Tầng cao trung bình: 2,5 tầng

- Nhà mật độ cao:

+ Mật độ xây dựng tối đa: 100%

+ Tầng cao trung bình: 3,5 tầng

- Nhà mật độ thấp:

+ Mật độ xây dựng tối đa: 85%

+ Tầng cao trung bình: 2 tầng

- Nhà ở mật độ cao (chung cư cao tầng):

+ Mật độ xây dựng tối đa: 70%

+ Tầng cao trung bình: 7,0 tầng.

2.2. Hệ thống hạ tầng xã hội:

- Trung tâm y tế được bố trí theo dự án có quy mô 250 giường đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

- Trung tâm giáo dục đào tạo, dạy nghề và hướng nghiệp được bố trí ở phía Nam của khu trung tâm hành chính, được xây dựng với quy mô là trung tâm giáo dục đào tạo lớn thứ 2 của tỉnh. Trung tâm giáo dục mới phía bờ Nam.

- Trung tâm thể dục thể thao được bố trí phía Bắc của khu trung tâm hành chính gần khu di tích Nọc Nạng. Trung tâm thể thao mới phía bờ Nam được xây dựng kết hợp với công viên cây xanh.

- Khu trung tâm Hộ Phòng hiện trạng được cải tạo nâng cấp và mở rộng về phía bờ tây kênh Hộ Phòng - Chủ Chí để trở thành khu trung tâm dịch vụ, thương mại của đô thị.

+ Mật độ xây dựng : 50-60%.

+ Tầng cao trung bình: 3-5 tầng, khu vực trung tâm dịch vụ khu vực, chợ: 1-4 tầng.

- Trung tâm thương mại dịch vụ , văn phòng trong khu đô thị mới phải có kiến trúc hiện đại và bản sắc, tạo điểm nhấn cho khu trung tâm.

+ Mật độ xây dựng : 50-80%.

+ Tầng cao trung bình: 7-20 tầng.

3. Quy định kiểm soát:

- Tuân thủ các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của từng lô phố về: diện tích, dân số, quy mô công trình, quy định về hệ số sử dụng đất, tầng cao tối đa, tối thiểu, mật độ xây dựng,...

- Tổ chức vành đai xanh quanh đô thị còn để bảo tồn và tạo thế ổn định cho các vùng nông nghiệp, di tích tôn giáo và hệ thống làng xóm, làng nghề, hệ thống sông rạch, mặt nước,... giúp đô thị phát triển cân bằng và bền vững.

3.1. Không gian, kiến trúc các khu vực trung tâm:

- Khu trung tâm hành chính: Xác định tại khu trung tâm hành chính hiện tại (*thị trấn Giá Rai*). Khai thác cảnh quan bờ sông trước khu trung tâm hành chính.

- Khu trung tâm thương mại dịch vụ: Xác định tại trung tâm thương mại dịch vụ ở thị trấn Hộ Phòng hiện hữu và trong khu đô thị mới.

- Khu trung tâm đô thị mới: Xác định tại trung tâm khu bờ Nam kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau.

3.2. Khu vực cửa ngõ của đô thị:

Đô thị có 4 cửa ngõ đối ngoại chính:

- Cửa Đông hướng đi thành phố Bạc Liêu

- Cửa Tây hướng đi thành phố Cà Mau trên tuyến Quốc lộ 1A đi qua đô thị

- Cửa Bắc hướng đi Phó Sinh - Quản lộ Phụng Hiệp

- Cửa Nam hướng đi huyện Đông Hải trên tuyến Gành Hào - Giá Rai - Phó Sinh

- Cạnh Đền.

3.3. Trục không gian chính:

Tuân thủ các quy định về lộ giới như: chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi, độ vưon của ban công, mái đua ô văng, cao độ khống chế chiều cao tầng 1,...

3.4. Quảng trường:

Khu vực Quảng trường trung tâm: Là khu vực trọng tâm của khu quy hoạch, từ Quảng trường trung tâm bố trí các công trình phúc lợi xã hội như: Ủy ban nhân dân huyện, Huyện ủy huyện Giá Rai, Tòa án, trường học các cấp,... xung quanh. Tạo thành một không gian mở hướng ra Kênh rạch Cà Mau - Bạc Liêu. Quảng trường trung tâm ngoài chức năng chính của Quảng trường thì nơi đây là nơi diễn ra lễ hội văn hóa của địa phương.

- Quảng trường trung tâm là khu vực có quy mô lớn yêu cầu khi tổ chức không gian cần lưu ý đến yếu tố về bức xạ của mặt trời, nên tổ chức sân đường kết hợp với mảng cỏ với nhiều chủng loại và nhiều màu sắc;

- Khu vực Quảng trường trung tâm nghiêm cấm tất cả các hình thức xây dựng, tập trung mua bán.

- Khi xây dựng các công trình xung quanh khu vực Quảng trường cần chú ý đến các yếu tố gây mất mỹ quan như: Hình thức kiến trúc, màu sắc, các không gian mở của các công trình,....

3.5. Không gian mở:

Gồm các khu công viên cây xanh, các dải đất ven kênh rạch của khu đô thị. Tại các khu vực này khuyến khích các loại hình kiến trúc mang tính biểu tượng, tính nghệ thuật cao có quy mô nhỏ, không làm ảnh hưởng đến tổng quan đô thị. Các không gian phía trước các công trình công cộng.

3.6. Cây xanh, mặt nước:

Đối với công viên cây xanh: quy định tỷ lệ tối đa, tối thiểu các loại đất: cây xanh, thảm cỏ, mặt nước, xây dựng công trình, sân lát, đường đi dạo,....

3.7. Điểm nhấn:

- Điểm nhấn chính của khu quy hoạch là khu vực quảng trường trung tâm hành chính, các trục cảnh quan nối khu hành chính và khu thương mại dịch vụ, trục trung tâm phía Nam và các tuyến kênh rạch trong khu trung tâm.

- Hệ thống công viên cây xanh, vành đai xanh quanh đô thị tạo nên sắc xanh là tông màu chủ đạo của đô thị, là điểm nhấn về không gian tổng thể và hình thành cho đô thị có sức hút, đặc thù.

4. Quy định về chỉ giới đường đỏ các tuyến phố chính:

4.1. Lộ giới các tuyến đường chính:

- Quốc lộ 1A (tuyến qua thị trấn Hộ Phòng - Giá Rai và tuyến tránh thị trấn Hộ Phòng, mặt cắt ngang 1-1: Lộ giới: 26m (Mặt đường: 2x7m, Vía hè: 2x6m).

- Tỉnh lộ:

+ ĐT 980 (tuyến dọc kênh Giá Rai – Phó Sinh và tuyến Giá Rai - Gành Hào) mặt cắt ngang 6-6: Lộ giới : 45m (Mặt đường: 2x16m, vỉa hè: 2x6,5m)

+ ĐT 981 (tuyến dọc kênh Hộ Phòng – Chủ Chí) mặt cắt ngang 4-4: Lộ giới : 32m (Mặt đường: 2x11,5m, vỉa hè: 2x4,5m)

+ Tuyến vành đai ngoài, mặt cắt ngang 6-6: Lộ giới: 45m (Mặt đường: 2x11,5m, vỉa hè: 2x4,5m)

- Huyện lộ :

+ ĐH 21 (tuyến phía Đông kênh Giá Rai – Phó Sinh), mặt cắt ngang 7-7: Lộ giới: 19,5m (Mặt đường 2 bên: 2x5m, vỉa hè 2 bên : 2 x 4,75m)

+ ĐH 22 (tuyến phía Đông rạch Nọc Nặng) mặt cắt ngang 7-7: Lộ giới : 19,5m (Mặt đường 2 bên: 2x5m, vỉa hè 2 bên : 2 x 4,75m)

+ ĐH 24 (tuyến phía Đông kênh Chủ Chí – Hộ Phòng) mặt cắt ngang 7-7: Lộ giới : 19,5m (Mặt đường 2 bên: 2x5m, vỉa hè 2 bên : 2 x 4,75m)

+ ĐH 43 (tuyến dọc kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau) mặt cắt ngang 7-7: Lộ giới: 19,5m (Mặt đường 2 bên: 2x5m, vỉa hè 2 bên : 2 x 4,75m)

+ ĐH 50 (tuyến phía Tây Kênh Hộ Phòng – Gành Hào) mặt cắt ngang 7-7: Lộ giới : 19,5m (Mặt đường 2 bên: 2x5m, vỉa hè 2 bên : 2 x 4,75m);

+ ĐH 52 (tuyến phía Tây Kênh Hộ Phòng – An Trạch) mặt cắt ngang 7-7: Lộ giới : 19,5m (Mặt đường 2 bên: 2x5m, vỉa hè 2 bên : 2 x 4,75m)

Đường chính khu vực: Các tuyến đường này có vai trò kết nối các khu chức năng của đô thị.

- Các tuyến này có quy mô là mặt cắt 2-2, mặt cắt 3-3, mặt cắt 4-4.

+ Quy mô mặt cắt ngang 2-2

- Mặt đường hai bên rộng 2x12,0 m;
- Dải phân cách: 2m;
- Vỉa hè hai bên rộng 2x8m;
- Lộ giới 42m.

+ Quy mô mặt cắt ngang 3-3

- Mặt đường hai bên rộng 2x12,0 m;
- Dải phân cách: 9m;
- Vỉa hè hai bên rộng 2x8m;
- Lộ giới 42m.

+ Quy mô mặt cắt ngang 4-4

- Mặt đường hai bên rộng 2x11,0 m;
- Vỉa hè hai bên rộng 2x5m;
- Lộ giới 32m.

- Đường khu vực: đây là các tuyến đường chính trong mỗi khu chức năng của đô thị, quy mô mặt cắt ngang 5-5, mặt cắt 7-7.

+ Quy mô mặt cắt ngang 5-5

- Mặt đường hai bên rộng 2x7,0m;
- Vỉa hè hai bên rộng 2x5m;
- Lộ giới 24,0m.

+ Quy mô mặt cắt ngang 7-7

- Mặt đường hai bên rộng 2x5,0 m;
- Vỉa hè hai bên rộng 2x4,75m;
- Lộ giới 19,5m.

- Bến xe khách liên tỉnh: dự kiến bố trí 1 bến xe liên tỉnh.

4.2 Giao thông đường thủy:

- Các tuyến giao thông thủy quốc gia:

- Tuyến Kênh Hộ Phòng – Gành Hào

- Tuyến Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu
 - Tuyến Kênh Hộ Phòng - Chủ Chí
 - Tuyến Kênh Giá Rai - Phó Sinh
- Các tuyến giao thông thủy khác:

- Tuyến kênh Giá Rai-Phó Sinh
- Tuyến rạch Nọc Nạng
- Tuyến Rạch Rắn
- Tuyến kênh Ba Lát
- Tuyến kênh Thổ Lát
- Tuyến rạch ô Tàu
- Tuyến kênh Chủ Chí 1

- Bến tàu: dự kiến xây dựng 2 bến tàu chính.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình hạ tầng kỹ thuật chính và công trình ngầm:

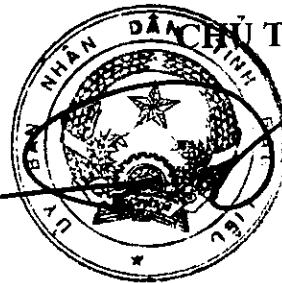
- Tuyến Kênh Hộ Phòng - Gành Hào: Hành lang bảo vệ >15m-20m
- Tuyến Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu: Hành lang bảo vệ > 10m - 15m.
- Tuyến Kênh Hộ Phòng - Chủ Chí: Hành lang bảo vệ >10m-15m
- Tuyến Kênh Giá Rai - Phó Sinh: Hành lang bảo vệ 10m.

6. Quy định về cao độ san nền:

Cao độ san nền H=1,80 m (Hệ cao độ Hòn Dấu).

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với các quy định trong Quy chế này đều bị bãi bỏ. Mọi vi phạm các điều khoản của Quy chế này sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.



Phạm Hoàng Bê